

ĐỀ 1:

ĐỀ BÀI

I. ĐỌC HIỂU

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

GIÁ TRỊ CỦA HÒN ĐÁ

Có một học trò hỏi thầy mình rằng:

- Thưa thầy, giá trị của cuộc sống là gì ạ?

Người thầy lấy một hòn đá trao cho người học trò và dặn:

- Con đem hòn đá này ra chợ nhưng không được bán nó đi, chỉ cần để ý xem người ta trả giá bao nhiêu.

Vâng lời thầy, người học trò mang hòn đá ra chợ bán. Mọi người không hiểu tại sao anh lại bán một hòn đá xấu xí như vậy. Ngồi cả ngày, một người bán rong thương tình đã đến hỏi và trả giá hòn đá một đồng. Người học trò mang hòn đá về và than thở:

- Hòn đá xấu xí này chẳng ai thèm mua. Cũng may có người hỏi mua với giá một đồng thầy ạ.

Người thầy mỉm cười và nói:

- Tốt lắm, ngày mai con hãy mang hòn đá vào tiệm vàng và bán cho chủ tiệm, nhớ là dù chủ cửa hàng vàng có mua thì cũng không được bán.

Người học trò rất bất ngờ khi chủ tiệm vàng trả giá hòn đá là 500 đồng. Anh háo hức hỏi thầy tại sao lại như vậy. Người thầy cười và nói:

- Ngày mai con hãy đem nó đến chỗ bán đồ cổ. Nhưng tuyệt đối đừng bán nó, chỉ hỏi giá mà thôi.

Làm theo lời thầy dặn, sau một hồi xem xét thì anh vô cùng ngạc nhiên khi chủ hiệu trả giá hòn đá là cả gia sản hiện có. Anh vẫn nhất quyết không bán và vội về kể lại với thầy. Lúc này người thầy mới chậm rãi nói:

- Hòn đá thực chất chính là một khối ngọc cổ quý giá, đáng cả một gia tài, và giá trị cuộc sống cũng giống như hòn đá kia, có người hiểu và có người không hiểu.

Với người không hiểu và không thể cảm nhận thì giá trị cuộc sống chẳng đáng một xu, còn với người hiểu thì nó đáng giá cả một gia tài. Hòn đá vẫn vậy, cuộc sống vẫn thế, điều duy nhất tạo nên sự khác biệt là sự hiểu biết của con và cách con nhìn nhận cuộc sống.

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là:

A. Biểu cảm

B. Miêu tả

C. Tự sự

D. Nghị luận

Câu 2. Chủ đề của văn bản trên là:

- A. Giá trị cuộc sống
- B. Lòng biết ơn
- C. Đức tính trung thực
- D. Lòng hiếu thảo

Câu 3. Câu chuyện trong tác phẩm là lời kể của ai?

- A. Người học trò
- B. Người kể chuyện
- C. Hòn đá
- D. Người thầy

Câu 4. Vì sao người thầy trong câu chuyện lại yêu cầu học trò của mình mang hòn đá xấu xí đi hỏi giá mà lại không bán?

- A. Để người học trò hiểu được giá trị to lớn của hòn đá.
- B. Để người học trò biết được hòn đá là một viên ngọc quý, tuyệt đối không được bán.
- C. Để người học trò nhận ra giá trị của hòn đá thông qua cách định giá của những người hiểu và không hiểu về nó, từ đó rút ra bài học về cách nhìn nhận về cuộc sống.
- D. Để người học trò nhận ra giá trị của hòn đá. Tuy bề ngoài xấu xí nhưng thực chất nó là một khối ngọc quý đáng giá cả một gia tài.

Câu 5. Những từ nào sau đây là từ láy bộ phận?

- A. Xem xét, nhìn nhận, xấu xí
- B. Than thở, xem xét, háo hức
- C. Háo hức, xem xét, nhìn nhận
- D. Xấu xí, than thở, háo hức

Câu 6. Chi tiết tiêu biểu trong văn bản trên là:

- A. Hòn đá
- B. Người học trò
- C. Người thầy
- D. Chủ tiệm đồ cổ

Câu 7. Cụm từ *ngồi cả ngày* trong câu văn: *Ngồi cả ngày, một người bán rong thương tình đã đến hỏi và trả giá hòn đá một đồng* là thành phần mở rộng câu bởi?

- A. Trạng ngữ
- B. Cụm danh từ
- C. Cụm động từ
- D. Cụm tính từ

Câu 8. Tác dụng của điệp từ *bán, mua* trong văn bản trên có tác dụng gì?

- A. Thể hiện công việc mà người học trò phải làm theo lời dặn của thầy, qua đó phê phán sự thiếu chủ động, thiếu tích cực trong cách sống, cách làm việc của cậu học trò.
- B. Thể hiện công việc của người học trò làm theo lời dặn của thầy để người học trò nhận ra giá trị của hòn đá, từ đó rút ra bài học về cách nhìn nhận cuộc sống.
- C. Thể hiện sự thiếu chủ động, tích cực của người học trò trong học tập và cuộc sống.

D. Thể hiện công việc của người học trò làm theo lời dạy của thầy, qua đó nhấn mạnh giá trị của hòn đá.

Câu 9. Thông điệp mà em tâm đắc nhất sau khi đọc văn bản trên là gì?

II. VIẾT (4,0 điểm)

Em hãy trình bày ý kiến về việc thực hiện tốt 5K trong thời đại dịch Covid 19?

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn lớp 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	A	0,5
	3	B	0,5
	4	C	0,5
	5	D	0,5
	6	A	0,5
	7	C	0,5
	8	B	0,5
	9	HS viết đoạn văn 8-10 dòng nêu được cụ thể thông điệp, lí do chọn thông điệp. HS có thể lựa chọn những thông điệp sau: - Mỗi người có một cách “định giá” khác nhau về thành công hay hạnh phúc. Hãy tôn trọng sự lựa chọn của mỗi người và làm cho đời mình trở nên giá trị theo cách của mình. Chỉ có bạn mới quyết định được cuộc sống của bạn. - Hãy trân trọng những gì mình đang có bởi cuộc sống tốt đẹp hay không là do cách bạn suy nghĩ và cảm nhận.	2,0
II		LÀM VĂN	4,0
	a. Hình thức:	Viết đúng hình thức bài văn nghị luận, đủ bố cục 3 phần, trình bày sạch đẹp, khoa học, diễn đạt lưu loát.	0,5
	b. Nội dung:	* Mở bài: Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: việc thực hiện tốt 5K trong thời đại dịch Covid 19.	0,5
		* Thân bài: Lần lượt trình bày ý kiến theo một trình tự hợp lí. HS có thể trình bày những ý kiến sau: - Ý kiến 1: Tình hình dịch bệnh Covid 19 hiện nay và việc thực hiện 5K của người dân. + Lí lẽ 1.1: Tình hình dịch bệnh đang diễn biến phức tạp Dẫn chứng: (...) + Lí lẽ 1.2: Thực trạng về việc thực hiện 5K của người dân:	2,5

	<p>Giải thích 5K là gì. Dẫn chứng (...) - Ý kiến 2: Tác dụng của việc thực hiện tốt 5K + Lí lẽ: Thực hiện tốt 5K sẽ giúp phòng tránh dịch bệnh cho bản thân và những người xung quanh. + Dẫn chứng: Phòng tránh dịch bệnh cho bản thân: Phòng tránh dịch bệnh cho những người xung quanh: - Ý kiến 3: Tác hại của việc không thực hiện tốt 5K + Lí lẽ: gây ra tình trạng dịch bệnh lây lan cho bản thân và những người xung quanh => tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, khó lường,... + Dẫn chứng: - Ý kiến 4: Nguyên nhân của việc không thực hiện tốt 5K + Lí lẽ: Ý thức của mỗi người chưa tốt khi thực hiện theo khuyến cáo của Bộ y tế. + Dẫn chứng: => Bày tỏ suy nghĩ của bản thân. * Kết bài: - Khẳng định lại tầm quan trọng của việc thực hiện tốt 5K trong thời đại dịch Covid 19. - Liên hệ bản thân.</p>	0,5
--	---	-----

MA TRẬN

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1.	Độc hiểu	Truyện ngắn	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu trong văn bản. - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản. - Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngắn. - Xác định được từ láy, 	3 TN	5TN	1TL	

			<p>các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ. - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân. 				
2	Viết	Viết bài văn nghị luận	Viết được bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống. Nêu được vấn đề và suy nghĩ, đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ ý kiến.				1TL*
Tổng				3 TN	5 TN	1 TL	1 TL
Tỉ lệ %				20	40	30	10
Tỉ lệ chung				60		40	

ĐỀ 2

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	

1	Đọc hiểu	- Truyện ngụ ngôn	3	0	5	0	0	2	0		60
2	Viết	Kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			15	5	25	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			20%		40%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	- Truyện ngụ ngôn	Nhận biết: - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu của văn bản. - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện. - Nhận diện được nhân vật, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngụ ngôn. - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong	3 TN	5TN	2TL	

			<p>câu (mở rộng bằng cụm từ).</p> <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt được cốt truyện. - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu. - Trình bày được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm. - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm. 				
2	Viết	Kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật	<p>Nhận biết:</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>Vận dụng:</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>Viết được bài văn kể lại sự</p>				1TL*

		hoặc sự kiện lịch sử.	việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử; bài viết có sử dụng các yếu tố miêu tả.				
Tổng				3TN	5TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				30	30	30	10
Tỉ lệ chung				60		40	

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 7***Thời gian làm bài: 90 phút***I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)****Đọc văn bản sau:****MÈO ĂN CHAY**

Có một con mèo già, chậm chân, mắt mờ không vò bắt được chuột nữa, bèn nghĩ ra một kế để lừa đàn chuột trong nhà.

Một hôm, mèo già đeo tràng hạt, gõ mõ, tụng kinh và nói rằng từ nay nó không bắt chuột nữa vì nó tu hành nên kiêng ăn thịt sống, kiêng sát sinh. Lúc đầu, đàn chuột nửa tin, nửa ngờ. Nhưng mấy ngày sau vẫn thấy mèo ngồi niệm Phật và chỉ ăn rau. Có con thử lại gần mà mèo cũng không vò nên chúng tin là mèo già tụng kinh, sám hối thật. Vì thế, đàn chuột thường nhờn nhờ đi lại cạnh mèo già, không còn lo bị mèo ăn thịt nữa.

Một buổi tối, cả đàn lại xếp hàng một đi qua chỗ mèo già ngồi để vào hang. Mèo ta biết thế, liền cho đàn chuột chui vào hang chỉ còn lại con cuối cùng, liền vò lấy nuốt chửng. Hôm đầu, thấy thiếu một con thì chúng đâm hoang mang. Con chuột đầu đàn nghi là mèo già bắt, hôm ấy thử đi ở cuối cùng xem sự thể ra sao.

Mèo ta nhe răng, giơ vuốt ra vò, chuột đầu đàn chỉ kịp kêu thét lên báo cho cả đàn rồi cũng bị mèo nuốt chửng.

Từ đó lũ chuột luôn nhắc rằng chớ có bao giờ tin những kẻ độc ác giả nhân giả nghĩa mà thiệt mạng.

(<https://thuvienpdf.com/chi-tiet-tang-thu-vien/133/PO-meo-an-chay>)

Thực hiện các yêu cầu:**Câu 1:** Câu chuyện trên được kể theo ngôi thứ mấy? (Biết)

- A. Ngôi thứ nhất
- B. Ngôi thứ hai
- C. Ngôi thứ ba
- D. Kết hợp nhiều ngôi kể

Câu 2: Nhân vật chính trong truyện là mèo già. Đúng hay sai? (Biết)

- A. Đúng
- B. Sai

Câu 3: Trong câu văn: “*Có một con mèo già, chậm chân, mắt mờ không vò bắt được chuột nữa, bèn nghĩ ra một kế để lừa đàn chuột trong nhà.*” có mấy **phó từ chỉ số lượng**? (Biết)

- A. Một

- B. Hai
- C. Ba
- D. Bốn

Câu 4: Sắp xếp các sự việc sau theo trình tự hợp lí? (Hiểu)

- (1) Cả bảy chuột hoang mang, chuột đầu đàn thử đi cuối cùng để kiểm chứng và cũng bị mèo già tóm gọn.
- (2) Mèo già không bắt được chuột, bèn nghĩ ra cách giả vờ ăn chay.
- (3) Từ đó, đàn chuột không dám tin lời những kẻ độc ác, giả nhân giả nghĩa.
- (4) Một hôm, mèo già vờ lấy con chuột cuối đàn.
- (5) Đàn chuột thường nhờn nhờ đi lại cạnh mèo già, không còn lo bị mèo ăn thịt nữa.

- A. (2) – (5) – (4) – (1) – (3)
- B. (1) – (5) – (4) – (3) – (2)
- C. (4) – (3) – (2) – (1) – (5)
- D. (5) – (2) – (4) – (1) – (3)

Câu 5: Hành động “mèo già đeo tràng hạt, gõ mõ, tụng kinh mấy ngày liền” nhằm mục đích gì? (Hiểu)

- A. Để sám hối tội lỗi
- B. Để giết thời gian
- C. Để đánh lừa bảy chuột
- D. Để rình con mồi

Câu 6: Việc đàn chuột thường nhờn nhờ đi lại cạnh mèo già, không còn lo bị mèo ăn thịt nữa cho thấy thái độ gì của đàn chuột? (Hiểu)

- A. Chủ quan
- B. Tự tin
- C. Thiếu cảnh giác
- D. Kiêu ngạo

Câu 7: Từ “sám hối” trong câu văn: “Có con thử lại gần mà mèo cũng không vồ nên chúng tin là mèo già tụng kinh, sám hối thật” được hiểu như thế nào? (Hiểu)

- A. Thú nhận tội lỗi đã gây ra
- B. Ăn năn tội lỗi đã gây ra
- C. Lo lắng về tội lỗi đã gây ra
- D. Xấu hổ về tội lỗi đã gây ra

Câu 8: Thành ngữ “giả nhân giả nghĩa” trong câu văn: “Từ đó lũ chuột luôn nhắc rằng chó có bao giờ tin những kẻ độc ác giả nhân giả nghĩa mà thiệt mạng.” nói đến điều gì? (Hiểu)

- A. Giả vờ tỏ ra tử tế, nhân nghĩa
- B. Nói những điều không đúng sự thật
- C. Cố tình đánh lừa người khác
- D. Che đậy việc làm sai trái

Câu 9: Em rút ra được bài học gì từ câu chuyện trên? (Vận dụng)

Câu 10: Em có đồng tình với việc làm của mèo già trong câu chuyện không? Vì sao? (Vận dụng)

II. LÀM VĂN (4,0 điểm)

Em hãy viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em có dịp tìm hiểu (bài viết có sử dụng các yếu tố miêu tả). (Vận dụng cao)

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn lớp 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	A	0,5
	3	B	0,5
	4	A	0,5
	5	C	0,5
	6	A	0,5
	7	B	0,5
	8	A	0,5
	9	HS rút ra được bài học phù hợp.	1,0
	10	HS nêu được ý kiến đồng tình / không đồng tình và lí giải hợp lí (phù hợp với chuẩn mực đạo đức).	1,0
II		VIẾT	4,0
		a. <i>Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự:</i> Mở bài nêu được sự việc có thật liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử. Thân bài triển khai sự việc. Kết bài khẳng định ý nghĩa sự việc.	0,25
		b. <i>Xác định đúng yêu cầu của đề:</i> sự kiện được kể lại trong văn bản là có thật và liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử.	0,25
		c. <i>Triển khai vấn đề:</i>	

	HS triển khai vấn đề theo nhiều cách, nhưng cần lựa chọn chi tiết, thông tin chọn lọc, tin cậy về sự việc. Đồng thời, vận dụng tốt kĩ năng kể chuyện có kết hợp yếu tố miêu tả trong bài viết; sau đây là một số gợi ý:	
	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu được sự việc có thật liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử. - Nêu được không gian, thời gian diễn ra sự việc. - Gợi lại bối cảnh câu chuyện, dấu tích liên quan đến nhân vật/sự kiện - Thuật lại nội dung/diễn biến của sự việc có thật liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử. - Ý nghĩa, tác động của sự việc đối với đời sống hoặc đối với nhận thức về nhân vật và sự kiện. - Khẳng định ý nghĩa của sự việc hoặc nêu cảm nhận của người viết về nhân vật/sự kiện. 	2,5
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p>	0,5
	<i>e. Sáng tạo:</i> Có những suy nghĩ, cảm nhận mới mẻ, sáng tạo.	0,5

ĐỀ 3:

MA TRẬN ĐỀ KIỂM GIỮA TRẠI HỌC KÌ I
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng g % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	TL	TNK Q	T L	
1	Đọc hiểu	Truyện dân gian	5	0	3	0	0	2	0		60

		(ngụ ngôn)									
2	Viết	Kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			25	5	15	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			30%		30%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM GIỮA TRẠI HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhậ n biết	Thôn g hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Truyện dân gian (truyện ngụ ngôn).	Nhận biết: - Nhận biết được thể loại, (1) đặc điểm của lời kể,(2) ngôi kể(3) trong truyện.	5 TN	3TN	2TL	

			<p>Nhận biết được đề tài(4), nhân vật trong chính thể của tác phẩm(5).</p> <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện(6). - Xác định được nghĩa phó từ,(7) nghĩa trạng ngữ trong tác phẩm(8). <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. (9). - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm.(10). 				
2	Viết	Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch	<p>Nhận biết:</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>Vận dụng:</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử; bài viết có sử dụng các</p>				1TL*

		sử	yếu tố miêu tả.				
Tổng				5 TN	3TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				30	30	30	10
Tỉ lệ chung				60		40	

ĐỀ 4:

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng g % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	
1	Đọc hiểu	Truyện ngắn	3	0	5	0	0	2	0		60
		Thơ (4 chữ, 5 chữ)									
2	Viết	Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			15	5	25	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			20%		40%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

T T	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận Dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Truyện ngắn	Nhận biết: <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu trong văn bản. - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản. - Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngắn. - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ). Thông hiểu: <ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt được cốt truyện. - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Hiểu và nêu được tình cảm, cảm xúc, thái độ của người kể chuyện thông qua ngôn ngữ, giọng điệu kể và cách kể. - Nêu được tác dụng của việc thay đổi người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba) trong một truyện kể. - Chỉ ra và phân tích được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện và / hoặc lời của các nhân vật khác. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; 	3TN	5TN	2TL	

		<p>nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.</p> <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm. - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm. 				
	<p>Thơ (thơ bốn chữ, năm chữ)</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ trong bài thơ. - Nhận biết được bố cục, những hình ảnh tiêu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ. - Xác định được số từ, phó từ. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng. <p>Vận dụng:</p>				

			<p>- Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân.</p> <p>- Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu.</p>				
2.	Viết	Viết văn bản phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học	<p>Nhận biết:</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>Vận dụng:</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>Viết được bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. Bài viết có đủ những thông tin về tác giả, tác phẩm, vị trí của nhân vật trong tác phẩm; phân tích được các đặc điểm của nhân vật dựa trên những chi tiết về lời kể, ngôn ngữ, hành động của nhân vật.</p>	1*	1*	1*	1 TL*
Tổng				3 TN	5TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				20	40	30	10
Tỉ lệ chung				60		40	

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn Ngữ văn lớp 7

(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề)

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

CỦ KHOAI NƯỚNG

Sau trận mưa rào vòm trời như được rửa sạch, trở nên xanh và cao hơn. Đã chớm hè nhưng trời vẫn lành lạnh, cái lạnh làm người ta hưng phấn và chóng đói. Thường Mạnh đi học về là đi thả trâu. Tối mịt cậu rong trâu về, đầu tưởng tượng đến một nồi cơm bốc khói nghi ngút.

Nhưng từ giờ đến tối còn lâu và cậu cần phải tìm được một việc gì đó trong khi con trâu đang mài miết gặm cỏ. Cậu bèn ngồi đếm từng con sáo mỏ vàng đang nháy kiếm ăn trên cánh đồng màu đã thu hoạch. Thỉnh thoảng chúng lại nghiêng

ngó nhìn cậu, ý chừng muốn dò la xem "anh bạn khổng lồ" kia có thể chơi được không. Chợt Mạnh phát hiện ra một đám mầm khoai đỏ au, mập mạp, tua tua hướng lên trời. Kinh nghiệm đủ cho cậu biết bên dưới những chiếc mầm là củ khoai lang sót. Với bất cứ đũa tre nào thì điều đó cũng tương đương với một kho báu. Nó bị sót lại từ trước Tết và bây giờ nó sẽ rất ngọt. Để xem, anh bạn to cỡ nào? Không ít trường hợp bên dưới chỉ là một mẩu khoai. Nước miếng đã kịp tứa khắp chân răng khi cậu tưởng tượng đến món khoai nướng. Ruột nó trong như thạch. Những giọt mật trào ra, gặp lửa tạo một thứ hương thơm chết người, nhất là khi trời lại lành lạnh thế này. Thật may là mình đem theo lửa - cậu lẩm bẩm. Sợ niềm hy vọng đi veo mất nên cậu rón rén bới lớp đất mềm lên. Khi cậu hoàn toàn tin nó là một củ khoai thì cậu thọc sâu tay vào đất, sâu nữa cho đến khi những ngón tay cậu ôm gọn củ khoai khá bự, cậu mới từ từ lôi nó lên. Chà, thật tuyệt vời. Nó không chỉ đơn thuần là củ khoai sót. Nó y như quà tặng, một thứ kho báu trời đất ban riêng cho cậu.

Mạnh đã có việc để làm, mà lại là một việc làm người ta háo hức. Trong chốc lát đồng cảnh khô bén lửa và đợi đến khi nó chỉ còn lớp than hồng rực Mạnh mới vùi củ khoai vào. Cậu ngồi im lắng nghe một sự dịch chuyển vô cùng tinh tế dưới lớp than, củ trắng muốt đang bị sức nóng ủ cho thành mật. Từng khoảnh khắc với Mạnh lúc này trở nên vô cùng huyền diệu. Rồi có một mùi thơm cứ đậm dần, cứ quánh lại, lan tỏa, xoắn xuýt. Cậu nhớ lại có lần bà kể, nhờ đúng một củ khoai nướng mà ông cậu thoát chết đói và sau đó làm nên sự nghiệp. Chuyện như cổ tích nhưng lại có thật. Nào, để xem sau đây cậu sẽ làm nên công trạng gì.

Chợt cậu thấy có hai người, một lớn, một bé đang đi tới. Ông già ôm theo bọc tay nải còn cậu bé thì cứ ngoái cổ lại phía làng. Cậu nhận ra hai ông cháu lão ăn mày ở xóm bên. Hôm nay, chẳng có phiên chợ sao ông cháu lão cũng ra khỏi nhà nhỉ. Vài lần giáp mặt cậu bé và thấy mặt mũi nó khá sáng sủa. Bố mẹ nó chết trong một trận lũ quét nên nó chỉ trông cậy vào người ông mù lòa. Mạnh lén trút ra tiếng thở dài khi ông cháu lão ăn mày đã đến rất gần. Có thể thấy rõ cánh mũi lão phập phồng như hà hít tìm thứ mùi vị gì đó. Cậu bé vẫn câm lặng, thỉnh thoảng lén nhìn Mạnh.

- Mùi gì mà thơm thế - ông cậu bé lên tiếng - Hẳn ai đang nướng khoai. Ngồi nghỉ một lát để ông xin lửa hút thuốc đã cháu.

Ông lão lần túi lấy gói thuốc lào. Thằng bé giúp ông tháo khỏi lưng chiếc túi nhỏ xíu. Mùi khoai nướng vẫn ngào ngạt và Mạnh đành ngồi chết gí, không dám động cựa. Chỉ khi ông lão nhờ, cậu mới cúi xuống thổi lửa. Chà, ông cháu lão

mà ngòl dai là củ khoai cháy mất. Đã có mùi vỏ cháy. Lửa sẽ lần dần vào cho đến khi biến củ khoai thành đen thui mới thôi. Dường như đoán được nỗi khó xử của Mạnh, ông lão bảo:

- Tôi chỉ xin lửa thôi...

Mạnh như bị bắt quả tang đang làm chuyện vụng trộm, mặt đỏ lên. Nhưng ông lão mắt lòa không thể nhìn thấy còn cậu bé ý tứ nhìn đi chỗ khác.

- Thôi, chào cậu nhé. Ta đi tiếp đi cháu!

Ông lật đật đứng dậy, bám vào vai cậu bé, vội vã bước. Cậu bé lặng lẽ nhìn Mạnh như muốn xin lỗi vì đã làm khó cho cậu. Cái nhìn đĩnh đạc của một người tự trọng, không muốn bị thương hại khiến Mạnh vội cúi gầm xuống. Ôi, giá như có ba củ khoai, chỉ ít cũng là hai củ. Đàng này chỉ có một... Mạnh thấy rõ tiếng chân hai ông cháu xa dần. Nhưng chính khi ấy, khi củ khoai nóng hổi, lớp vỏ răn lại như từng gợn sóng nằm phơi ra trước mắt Mạnh, thì nỗi chờ đón háo hức lúc trước cũng tiêu tan mất. Giờ đây củ khoai như là nhân chứng cho một việc làm đáng hổ thẹn nào đó. Dù Mạnh có dối lòng rằng mình chẳng có lỗi gì sất nhưng cậu vẫn không dám chạm vào củ khoai... Hình như đã có người phải quay mặt đi vì không dám ước có được nó. Có thể ông nội cậu đã từng nhìn củ khoai nướng cho ông làm nên sự nghiệp bằng cái cách đau đớn như vậy.

Mặc dù rong trâu về từ chiều nhưng mãi tới mịt Mạnh mới vào nhà. Giờ đây mới là lúc cậu sống trọn vẹn với cảm giác ngây ngất của người vừa được ban tặng một món quà vô giá. Cậu nhắm mắt lại mừng tượng giây phút cậu bé kia mở gói giấy báo ra. Nửa củ khoai khi đó sẽ khiến cậu ta liên tưởng đến phép lạ, có thể lắm chứ! Và rồi cậu thấy lâng lâng đến mức chính mình tự hỏi liệu đây có phải là giấc mơ?

(Theo truyện ngắn Tạ Duy

Anh)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Câu chuyện xảy ra vào thời điểm nào trong năm?

- A. Cuối đông
- B. Chớm hè
- C. Cuối xuân
- D. Đầu thu

Câu 2. Ai là người kể chuyện?

- A. Cậu bé Mạnh
- B. Ông lão ăn mày

C. Một người khác không xuất hiện trong truyện

D. Cậu bé ăn mỳ

Câu 3. Đâu là thành phần trạng ngữ trong câu “*Sau trận mưa rào vòm trời được rửa sạch, trở nên xanh và cao hơn.*”?

A. Sau trận mưa rào

B. Vòm trời

C. Rửa sạch

D. Xanh và cao hơn

Câu 4. Chủ đề của truyện là gì?

A. Lòng dũng cảm

B. Tinh thần lạc quan

C. Tinh thần đoàn kết

D. Lòng yêu thương con người

Câu 5. Vì sao cậu bé Mạnh lại có “*cảm giác ngây ngất của người vừa được ban tặng một món quà vô giá*”?

A. Vì cậu đã chia sẻ một phần khoai nướng với cậu bé ăn mỳ.

B. Vì nhận được lời cảm ơn của ông lão.

C. Vì được thưởng thức món ăn ngon.

D. Vì không bị lão ăn mỳ làm phiền.

Câu 6. Biện pháp tu từ nào đã được sử dụng trong câu “*Những giọt mật trào ra, gặp lửa tạo ra một thứ hương thơm chết người, nhất là khi trời lại lạnh lạnh thế này.*”?

A. So sánh

B. Nhân hóa

C. Nói quá

D. Nói giảm nói tránh

Câu 7. Từ “*lật đật*” trong câu “*Ông lão lật đật đứng dậy.*” miêu tả hành động như thế nào?

A. Chậm rãi, thông thả

B. Mạnh mẽ, dứt khoát

C. Nhẹ nhàng, khoan khoái

D. Vội vã, tất tưởi

Câu 8. Cậu bé Mạnh có thái độ như thế nào đối với hai ông cháu lão ăn mỳ?

A. Tôn trọng

B. Coi thường

C. Biết ơn

D. Khinh bỉ

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:

Câu 9. Nếu em là nhân vật cậu bé Mạnh trong câu chuyện, em có cư xử với hai ông cháu lão ăn mày như nhân vật trong truyện đã làm hay không, vì sao?

Câu 10. Ghi lại một cách ngắn gọn tâm trạng của em sau khi làm được một việc tốt.

II. VIẾT (4.0 điểm)

Trong các bài học, em đã được làm quen với nhiều nhân vật văn học thú vị. Hãy viết một bài văn phân tích đặc điểm của một nhân vật văn học mà em yêu thích.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
Môn: Ngữ văn lớp 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	C	0,5
	3	A	0,5
	4	D	0,5
	5	A	0,5
	6	C	0,5
	7	D	0,5
	8	A	0,5
	9	- Nêu được cách cư xử của Mạnh: Cảm thông, chia sẻ và tôn trọng - Đưa ra cách cư xử của mình và lí do của cách cư xử ấy	1,0
	10	- Nêu việc tốt mà em đã làm - Ghi ngắn gọn tâm trạng sau việc làm ấy	1,0

II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề.</i> Phân tích đặc điểm của một nhân vật văn học mà em yêu	0,25

	thích.	
	<p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu được nhân vật trong tác phẩm văn học và nêu khái quát ấn tượng về nhân vật. - Chỉ ra được đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm. - Nhận xét được về nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn. - Nêu ấn tượng và đánh giá về nhân vật. 	2,5
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p>	0,5
	<p><i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện sự hiểu biết sâu sắc của bản thân về đặc điểm nhân vật; bố cục mạch lạc, lời văn thuyết phục.</p>	0,5

ĐỀ 5:

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	
1	Đọc hiểu	Thơ năm chữ (viết	3	0	5	0	0	2	0		60

		về mẹ)									
2	Viết	Phát biểu cảm nghĩ về người thân	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			15	5	25	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			20		40%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7- THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Thơ năm chữ (viết về mẹ)	Nhận biết: <ul style="list-style-type: none"> - Thể thơ. - Đặc điểm thơ năm chữ. - Nhận biết số từ trong bài thơ Thông hiểu: <ul style="list-style-type: none"> - Tình cảm, cảm xúc của người con dành cho mẹ. - Hiểu được nội dung câu thơ. - Chủ đề bài thơ. - Bài thơ ca ngợi ai, về điều gì. - Xác định được biện pháp tu từ. Vận dụng: <ul style="list-style-type: none"> - Cảm nhận hình ảnh thơ. - Rút ra bài học từ bài thơ. 	3 TN	5TN	2TL	
2	Viết	Phát biểu	Nhận biết:				1TL*

		cảm nghĩ về người thân	Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài văn phát biểu cảm nghĩ. Sử dụng phương thức biểu đạt chính là biểu cảm. Tình cảm phải chân thật, bài làm có sáng tạo.				
Tổng				3 TN	5TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				20	40	30	10
Tỉ lệ chung				60		40	

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**Môn Ngữ văn lớp 7***Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề***I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)****Đọc văn bản sau:****MẸ VẮNG NHÀ NGÀY BÃO**

Mấy ngày mẹ về quê
 Là mấy ngày bão nổi
 Con đường mẹ đi về
 Con mưa dài chặn lối.

Hai chiếc giường ướt một
 Ba bố con nằm chung
 Vẫn thấy trống phía trong
 Nằm ấm mà thao thức.

Nghĩ giờ này ở quê
 Mẹ cũng không ngủ được
 Thương bố con vụng về
 Cúi mún thì lại ướt.

Nhưng chị vẫn hái lá
 Cho thỏ mẹ, thỏ con
 Em thì chăm đàn ngan
 Sớm lại chiều no bữa

Bố đội nón đi chợ
Mua cá về nấu chua...

Thế rồi cơn bão qua
Bầu trời xanh trở lại
Mẹ về như nắng mới
Sáng ấm cả gian nhà.

*Tác giả: **Đặng Hiển**.
(Trích Hồ trong mây)*

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Bài thơ được sáng tác theo thể thơ nào?

- A. Thơ lục bát
- B. Thơ bốn chữ
- C. Thơ năm chữ
- D. Thơ tự do

Câu 2. Ý nào sau đây nêu lên đặc điểm của thể thơ năm chữ ?

- A. Mỗi dòng thơ có năm chữ, không giới hạn số câu.
- B. Mỗi dòng thơ có năm chữ, có giới hạn số câu.
- C. Mỗi dòng thơ có bốn chữ, không giới hạn số câu.
- D. Mỗi dòng thơ có bốn chữ, có giới hạn số câu.

Câu 3. Trong bài thơ trên có mấy số từ?

- A. Một
- B. Hai
- C. Ba
- D. Bốn

Câu 4. Tình cảm, cảm xúc của con dành cho mẹ trong bài thơ là gì?

- A. Tình cảm yêu thương và nhớ mong mẹ.
- B. Tình cảm yêu thương và biết ơn mẹ.
- C. Niềm vui sướng khi có mẹ bên cạnh.
- D. Cô đơn, trống vắng khi mẹ vắng nhà.

Câu 5. Câu thơ nào nói lên niềm vui của cả nhà khi mẹ về?

- A. Máy ngày mẹ về quê
- B. Thế rồi cơn bão qua
- C. Bầu trời xanh trở lại
- D. Mẹ về như nắng mới

Câu 6. Chủ đề của bài thơ này là gì?

- A. Vai trò của người mẹ và tình cảm gia đình.
- B. Tình cảm nhớ thương của con dành cho mẹ.
- C. Ca ngợi đức hạnh người phụ nữ Việt Nam.
- D. Ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng.

Câu 7. Bài thơ ca ngợi ai, về điều gì ?

- A. Ca ngợi trách nhiệm nặng nề của người mẹ trong gia đình

- B. Ca ngợi đức hi sinh và tình yêu thương của mẹ.
 C. Ca ngợi sự cần cù, siêng năng, chăm chỉ của người mẹ.
 D. Ca ngợi tình cảm của những người thân trong gia đình.

Câu 8. Câu thơ nào dưới đây có hình ảnh so sánh?

- A. Con mưa dài chặn lối.
 B. Bó đội nón đi chợ.
 C. Mẹ về như nắng mới.
 D. Mẹ cũng không ngủ được

Câu 9. Cảm nhận của em về hình ảnh thơ trong hai dòng thơ cuối.

Câu 10. Hãy rút ra bài học sau khi đọc bài thơ.

II. VIẾT (4.0 điểm)

Em hãy viết bài văn nêu suy nghĩ của em về một người thân trong gia đình (cha, mẹ, anh, chị, em).

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn lớp 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	A	0,5
	3	C	0,5
	4	B	0,5
	5	C	0,5
	6	A	0,5
	7	B	0,5
	8	C	0,5
	9	Mẹ trở về làm cả ngôi nhà toả rạng ánh sáng của niềm vui, niềm hạnh phúc.	1,0
	10	- HS nêu được bài học từ ý nghĩa của bài thơ: <i>lòng biết ơn người mẹ đã hi sinh cho gia đình; biết đoàn kết giúp đỡ anh chị em khi gia đình gặp khó khăn.</i>	1,0
II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn phát biểu cảm nghĩ</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Phát biểu cảm nghĩ về người thân</i>	0,25
		<i>c. Phát biểu cảm nghĩ về người thân</i> HS có thể triển khai các ý theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:	
		- Tả về ngoại hình, tuổi tác, hình dáng, gương mặt...	2.5

	<ul style="list-style-type: none"> - Tính tình. - Công việc làm hàng ngày. - Sở thích. - Cách ứng xử đối với mọi người xung quanh. - Thái độ, tình cảm của người đó đối với em. - Cảm nghĩ của em về người thân trong gia đình 	
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,5
	<i>e. Sáng tạo:</i> Bố cục mạch lạc, lời văn giàu cảm xúc, sáng tạo.	0,5

ĐỀ 6:

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	
1	Đọc hiểu	Truyện ngắn/ thơ (thơ bốn chữ, năm chữ)	4	0	4	0	0	2	0		60
2	Viết	Kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			20	5	20	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ (%)			25		35		30		10		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7
THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

T T	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhậ n biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1.	Đọc hiểu	Truyện ngắn/ thơ (thơ bốn chữ, năm chữ)	<p>* Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được đặc điểm của thơ: thể thơ, từ ngữ, vần nhịp, bố cục, những hình ảnh tiêu biểu; các yếu tố sự, miêu tả được sử dụng trong thơ. - Chỉ ra được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ; hiện tượng từ ngữ trong tiếng việt; các biện pháp tu từ ẩn dụ và hoán dụ, ... <p>* Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được chủ đề của bài thơ, cảm xúc chủ đạo của nhân vật trữ tình trong bài thơ. - Nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ. <p>* Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử 	4 TN	4TN	2TL	

			được gọi ra từ văn bản. - Trình bày được ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong văn bản đối với suy nghĩ, tình cảm của bản thân.				
2	Viết	Kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử, bài viết có sử dụng yếu tố miêu tả.				1TL*
Tổng				4 TN	4TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				25	35	30	10
Tỉ lệ chung (%)				60		40	

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn Ngữ văn lớp 7

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

ĐƯA CON ĐI HỌC

Tế Hanh

Sáng nay mùa thu sang
Cha đưa con đi học
Sương đọng cỏ bên đường
Nắng lên ngời hạt ngọc

Lúa đang thì ngậm sữa
Xanh mướt cao ngấp đầu
Con nhìn quanh bờ ngõ
Sao chẳng thấy trường đâu?

Hương lúa tỏa bao la

Như hương thơm đất nước

Con ơi đi với cha

Trường của con phía trước

Thu 1964

(In trong *Khúc ca mới*, Tr.32, NXB Văn học, 1966)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định thể thơ của bài thơ trên ?

- A. Tự do
- B. Năm chữ
- C. Lục bát
- D. Bốn chữ

Câu 2. Hiện tượng từ ngữ nào sau đây nêu đúng mối quan hệ về nghĩa của từ “đường” trong bài thơ trên và từ "đường" trong cụm từ "Ngọt như đường"?

- A. Hiện tượng đồng âm
- B. Hiện tượng trái nghĩa
- C. Hiện tượng đồng nghĩa
- D. Hiện tượng đa nghĩa

Câu 3. Ai là người bày tỏ cảm xúc, suy nghĩ trong bài thơ?

- A. Mẹ
- B. Con
- C. Cha
- D. Bà

Câu 4. Cụm từ "*nhìn quanh bờ ngõ*" thuộc cụm từ nào sau đây?

- A. Cụm danh từ
- B. Cụm tính từ
- C. Cụm động từ
- D. Cụm chủ vị

Câu 5. Người cha muốn nhắn gửi điều gì với con qua hai câu thơ sau?

Con ơi đi với cha

Trường của con phía trước.

- A. Bước chân của con luôn có cha đồng hành, cha sẽ đi cùng con trên mọi chặng đường, đưa con đến những nơi tốt đẹp. Cha luôn yêu thương, tin tưởng và hi vọng ở con.
- B. Con hãy luôn luôn yêu thương, kính trọng cha mẹ. Con luôn phải có thái độ biết ơn đối với công lao sinh thành, nuôi dưỡng của cha mẹ.
- C. Con hãy biết ơn và kính trọng mẹ kể cả lúc mẹ đã già yếu. Hãy quan tâm, thấu hiểu với những vất vả của cha.
- D. Khắc sâu tâm lòng yêu con của cha, đồng thời thể hiện sự tin tưởng, hi vọng ở con.

Câu 6. Dòng nào sau đây giải nghĩa đúng nhất tác dụng chủ yếu của biện pháp tu từ nhân hoá được sử dụng trong câu thơ "*Lúa đang thì ngậm sữa*"?

- A. Làm cho sự vật trở nên gần gũi với con người.
- B. Làm cho câu thơ sinh động, gợi hình, gợi cảm.
- C. Làm cho câu thơ giàu nhịp điệu, có hồn.
- D. Nhấn mạnh, làm nổi bật đối tượng được nói đến trong câu thơ.

Câu 7. Theo em, hình ảnh “ hạt ngọc ” được hiểu là gì?

- A. Nắng mùa thu
- B. Gió mùa thu
- C. Hương lúa mùa thu
- D. Sương trên cỏ bên đường

Câu 8. Nội dung nào sau đây nói đúng nhất chủ đề của bài thơ?

- A. Ca ngợi tình cảm của cha dành cho con.
- B. Ca ngợi tình yêu quê hương, đất nước.
- C. Thể hiện niềm vui được đưa con đến trường của người cha.
- D. Thể hiện lòng biết ơn của người con với người cha.

Câu 9. Em có cảm nhận như thế nào về tình cảm của người cha trong bài thơ?

Câu 10. Hãy rút ra bài học mà em tâm đắc sau khi đọc bài thơ.

II. VIẾT (4,0 điểm)

Kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em có dịp tìm hiểu.

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn lớp 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	A	0,5
	3	C	0,5
	4	C	0,5
	5	A	0,5
	6	A	0,5
	7	D	0,5
	8	A	0,5
	9	- Nêu được suy nghĩ của bản thân về tình phụ tử thiêng liêng.	1,0
	10	- Hs nêu được bài học cụ thể, có ý nghĩa: + Phải luôn yêu thương, kính trọng cha mẹ. + Luôn có thái độ biết ơn đối với công lao sinh thành, nuôi dưỡng của cha mẹ. + Học tập, rèn luyện thật tốt để mẹ cha được vui lòng + Luôn biết trân trọng những khoảnh khắc được bên mẹ, bên người thân...	1,0
II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo bố cục bài văn tự sự gồm 3 phần: MB, TB, KB.</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề.</i> Kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em có dịp tìm hiểu.	0,25

		<i>C. Kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em có dịp tìm hiểu.</i> Hs có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:	2.5
		- Sử dụng ngôi kể thứ nhất. - Giới thiệu sự việc có liên quan đến nhân vật lịch sử. - Các sự việc chính bắt đầu - diễn biến - kết thúc. - Suy nghĩ của em về sự việc đó.	0.25 0.5 1.5 0.25
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,5
		<i>e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo</i>	0,5

ĐỀ 7:

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	
1	Đọc hiểu	- Truyện ngụ ngôn	5	0	3	0	0	2	0		60
2	Viết	Kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40

		hoặc sự kiện lịch sử.									
Tổng			25	5	15	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			30%		30%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Độc hiểu	- Truyện ngụ ngôn	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu của văn bản. - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện. - Nhận diện được nhân vật, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngụ ngôn. - Xác định được từ láy, số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ). <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt được cốt truyện. - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu. - Trình bày được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời 	5 TN	3TN	2TL	

			<p>của người kể chuyện.</p> <p>- Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Rút ra được thông điệp / bài học / lời khuyên cho bản thân và người khác từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm.</p> <p>- Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm.</p>				
2	Viết	Kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.	<p>Nhận biết:</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>Vận dụng:</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử; bài viết có sử dụng các yếu tố miêu tả.</p>				1TL*
Tổng				5TN	3TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				30	30	30	10
Tỉ lệ chung				60		40	

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 7***Thời gian làm bài: 90 phút***I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)****Đọc văn bản sau:****CHÚ LỪA THÔNG MINH**

Một hôm, con lừa của bác nông dân nọ chẳng may bị sa xuống một chiếc giếng cạn. Bác ta tìm mọi cách để cứu nó lên, nhưng mấy tiếng đồng hồ trôi qua mà vẫn không được, lừa ta vẫn kêu be be thảm thương dưới giếng.

Cuối cùng, bác nông dân quyết định bỏ mặc lừa dưới giếng, bởi bác cho rằng nó cũng đã già, không đáng phải tốn công, tốn sức nghĩ cách cứu, hơn nữa còn phải lấp cái giếng này đi. Thế là, bác ta gọi hàng xóm tới cùng xúc đất lấp giếng, chôn sống lừa, tránh cho nó khỏi bị đau khổ dai dẳng.

Khi thấy đất rơi xuống giếng, lừa bắt đầu hiểu ra kết cục của mình. Nó bắt đầu kêu gào thảm thiết. Nhưng chỉ mấy phút sau, không ai nghe thấy lừa kêu la nữa. Bác nông dân rất tò mò, thò cổ xuống xem và thực sự ngạc nhiên bởi cảnh tượng trước mắt. Bác ta thấy lừa dồn đất sang một bên, còn mình thì tránh ở một bên.

Cứ như vậy, mô đất ngày càng cao, còn lừa ngày càng lên gần miệng giếng hơn. Cuối cùng, nó nhảy ra khỏi giếng và chạy đi trước ánh mắt kinh ngạc của mọi người.

(Theo Bộ sách EQ- trí tuệ cảm xúc)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1: Em hãy cho biết văn bản “Chú lừa thông minh” thuộc loại truyện nào?

(Biết)

- A. Truyện cổ tích
- B. Truyện truyền thuyết
- C. Truyện ngụ ngôn
- D. Truyện cười

Câu 2: Văn bản “Chú lừa thông minh” được kể theo ngôi thứ mấy? **(Biết)**

- A. Ngôi thứ ba
- B. Ngôi thứ hai
- C. Ngôi thứ nhất số ít
- D. Ngôi thứ nhất số nhiều

Câu 3: Ban đầu, khi thấy chú lừa bị sa xuống giếng, bác nông dân đã làm gì?

(Biết)

- A. Tìm cách để không bận tâm đến con lừa nữa
- B. Tìm cách để cứu lấy con lừa
- C. Nhờ hàng xóm đến để giúp con lừa
- D. Đến bên giếng và nhìn nó

Câu 4: Có bao nhiêu từ láy trong câu: “Nó bắt đầu kêu gào thảm thiết”? (Biết)

- A. 3
- B. 2
- C. 1
- D. 4

Câu 5: Khi thấy đất rơi xuống giếng, con lừa đã làm gì? (Biết)

- A. Kêu gào thảm thiết
- B. Đứng im và chờ chết
- C. Cố hết sức nhảy ra khỏi giếng
- D. Bình tĩnh tìm cách

Câu 6: Hãy sắp xếp các chi tiết sau theo trình tự đúng của câu chuyện “Chú lừa thông minh”? (Hiểu)

- (1) Con lừa của bác nông dân bị sa chân xuống giếng, bác nông dân tìm cách cứu nó
 - (2) Con lừa cố gắng xoay sở
 - (3) Con lừa thoát ra khỏi cái giếng
 - (4) Cuối cùng, bác nông dân quyết định bỏ mặc nó
- A. (1) (2) (3) (4)
 - B. (1) (4) (2) (3)
 - C. (3) (1) (4) (2)
 - D. (3) (2) (4) (1)

Câu 7: Qua văn bản “Chú lừa thông minh”, em thấy con lừa có tính cách như thế nào? (Hiểu)

- A. Bình tĩnh, thông minh
- B. Nhút nhát, sợ chết
- C. Nóng vội, dửng dưng
- D. Chủ quan, kiêu ngạo

Câu 8: Nội dung của câu chuyện “Chú lừa thông minh” là gì? (Hiểu)

- A. Buông xuôi trước những khó khăn trong cuộc sống
- B. Sự đoàn kết của con người và loài vật
- C. Biết thích ứng với hoàn cảnh khắc nghiệt trong cuộc sống
- D. Tình yêu thương giữa con người với loài vật

Câu 9: Em hãy đóng vai chú lừa trong câu chuyện để nói một câu khuyên mọi người sau khi chú thoát chết ? (Vận dụng)

Câu 10: Từ câu chuyện “Chú lừa thông minh”, em có đồng tình với cách xử lý của bác nông dân không? Vì sao? (Vận dụng)

II. VIẾT (4,0 điểm)

Kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử. (Vận dụng cao)

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn lớp 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	A	0,5
	3	B	0,5
	4	C	0,5
	5	A	0,5
	6	B	0,5
	7	A	0,5
	8	C	0,5
	9	Học sinh có thể trả lời bằng nhiều cách, nhưng phải đưa ra được 01 lời khuyên VD: Mọi người cần bình tĩnh tìm cách giải quyết.	1,0
	10	HS có thể đưa ra quan điểm đồng tình hoặc không đồng tình. HS phải lí giải hợp lí theo từng quan điểm cá nhân.	1,0
II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự:</i> Mở bài, thân bài, kết bài.	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề:</i> Sự việc được kể lại trong văn bản là có thật và liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.	0,25
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> HS triển khai sự việc theo trình tự hợp lí, cần vận dụng tốt các phương thức biểu đạt: miêu tả, tự sự.	
		- Giới thiệu sự việc có thật có liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.	2.5

		<ul style="list-style-type: none"> - Thuật lại quá trình diễn biến của sự việc - Chỉ ra mối liên quan giữa sự việc với nhân vật và sự kiện lịch sử. - Khẳng định ý nghĩa của sự việc, nêu cảm nhận của người viết. 	
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,5
		<i>e. Sáng tạo:</i> Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo.	0,5

ĐỀ 8:

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			T N K Q	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	
1	Đọc hiểu	Truyện ngắn/Thơ 4 chữ, 5 chữ	4	0	4	0	0	2	0		60

2	Viết	Viết bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			20	5	20	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			25%		35%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

ĐỀ

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Truyện ngắn/ Thơ (thơ 4 chữ, thơ 5 chữ)	* Nhận biết: - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu trong văn bản; ngôi kể, đặc điểm của lời kể, sự thay đổi ngôi kể; tình huống, cốt truyện, không	4 TN	4TN	2TL	

			<p>gian, thời gian trong truyện ngắn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được đặc điểm của thơ: thể thơ, từ ngữ, vần nhịp, bố cục, những hình ảnh tiêu biểu; các yếu tố sự, miêu tả được sử dụng trong thơ. - Nhận biết được biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản. - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); các thành phần của câu (thành phần câu được mở rộng) - Xác định được nghĩa của từ. <p>* Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt được cốt truyện; nêu được chủ đề, thông điệp của văn bản; hiểu được tình cảm, cảm xúc, thái độ của người kể chuyện thông qua ngôn ngữ, giọng điệu và cách kể; phân tích được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại. - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ; rút ra chủ đề, thông điệp của tác phẩm; phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần nhịp, biện pháp tu từ - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ, một số yếu tố Hán Việt; công dụng của dấu chấm lửng... <p>* Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện được ý kiến, quan điểm về những vấn đề 				
--	--	--	---	--	--	--	--

			<p>đặt ra trong ngữ liệu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm. - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân. - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. 				
2	Viết	Phân tích nhân vật trong một tác phẩm văn học.	<p>Nhận biết: Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn phân tích nhân vật trong một tác phẩm văn học</p> <p>Thông hiểu: Viết đúng về kiểu bài, về nội dung, hình thức</p> <p>Vận dụng: Viết được bài văn phân tích nhân vật trong một tác phẩm văn học. Bố cục rõ ràng, mạch lạc, ngôn ngữ trong sáng, làm sáng tỏ nhân vật phân tích.</p> <p>Vận dụng cao: Viết được bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. Bài viết có đủ những thông tin về tác giả, tác phẩm, vị trí của nhân vật trong tác phẩm; phân tích được các đặc điểm của nhân vật dựa trên những chi tiết về lời kể,</p>				1TL*

			ngôn ngữ, hành động của nhân vật.				
Tổng				4 TN	4TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				25	35	30	10
Tỉ lệ chung				60		40	

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn Ngữ văn lớp 7

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

TRĂNG OI... TỪ ĐÂU ĐẾN?

Trần Đăng Khoa

Trăng ơi... từ đâu đến?
Hay từ cánh rừng xa
Trăng hồng như quả chín
Lửng lơ lên trước nhà

Trăng ơi... từ đâu đến?
Hay từ một sân chơi
Trăng bay như quả bóng
Bạn nào đá lên trời

Trăng ơi... từ đâu đến?
Hay từ đường hành quân
Trăng soi chủ bộ đội
Và soi vàng góc sân

Trăng ơi... từ đâu đến?
Hay biển xanh diệu kì
Trăng tròn như mắt cá
Chẳng bao giờ chớp mi

Trăng ơi... từ đâu đến?
Hay từ lời mẹ ru
Thương Cuội không được
học
Hú gọi trâu đến giờ

Trăng ơi... từ đâu đến?
Trăng đi khắp mọi miền
Trăng ơi có nơi nào
Sáng hơn đất nước em...

1968

(Trần Đăng Khoa, Góc sân và khoảng

trời,

NXB Văn hóa dân tộc)

Trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1. Bài thơ “Trăng ơi... từ đâu đến?” được viết theo thể thơ nào?

A. Tự do. B. Lục bát. C. Bốn chữ. D. Năm chữ.

Câu 2. Bài thơ có cách gieo vần như thế nào?

A. Gieo vần lưng. B. Gieo vần chân.
C. Gieo vần lưng kết hợp vần chân. C. Gieo vần linh hoạt.

Câu 3. Ở khổ thơ thứ nhất, trăng được so sánh với hình ảnh nào?

A. Quả chín.
B. Mắt cá.

- C. Quả bóng.
- D. Cánh rừng xa.

Câu 4. Từ “Lửng lơ” thuộc loại từ nào?

- A. Từ ghép.
- B. Từ láy.**
- C. Từ đồng nghĩa.
- D. Từ trái nghĩa.

Câu 5. Hình ảnh vàng trắng gắn liền với các sự vật (quả chín, mắt cá, quả bóng...) cho em biết vàng trắng được nhìn dưới con mắt của ai?

- A. Bà nội.
- B. Người mẹ.
- C. Cô giáo.
- D. Trẻ thơ.**

Câu 6. Tác dụng *chủ yếu* của phép tu từ so sánh được sử dụng trong câu thơ: “Trăng bay như quả bóng” là gì ?

- A. Làm cho sự vật trở nên gần gũi với con người.
- B. Nhấn mạnh, làm nổi bật đối tượng được nói đến trong câu thơ.**
- C. Làm cho câu thơ sinh động, gợi hình, gợi cảm.
- D. Làm cho câu thơ giàu nhịp điệu, có hồn.

Câu 7. Theo em, dấu chấm lửng trong câu thơ “Trăng ơi... từ đâu đến?” có công dụng gì ?

- A. Tỏ ý còn nhiều sự vật hiện tượng chưa liệt kê hết.
- B. Thể hiện chỗ lờn nói bỏ dỏ, hay ngập ngừng, ngắt quãng.
- C. Làm giãn nhịp câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện một từ ngữ biểu thị nội dung hài hước, châm biếm.
- D. Làm giãn nhịp câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ.**

Câu 8. Ý nghĩa của bài thơ “Trăng ơi... từ đâu đến?” là gì ?

- A. Nhân vật trữ tình yêu trăng theo cách độc đáo.
- B. Trăng ở quê hương của nhân vật trữ tình là đẹp nhất.
- C. Yêu mến trăng, từ đó bộc lộ niềm tự hào về đất nước của nhân vật trữ tình.**
- D. Ánh trăng ở quê hương nhân vật trữ tình đặc biệt, không giống ở nơi khác.

Câu 9. Em hiểu như thế nào về câu thơ “Trăng ơi có nơi nào. Sáng hơn đất nước em...”?

Câu 10. Từ tình cảm của nhân vật trữ tình trong bài thơ, hãy bộc lộ tình cảm của em với quê hương yêu, đất nước (trong đoạn văn 3 đến 5 câu).

II. VIẾT (4.0 điểm)

Trong các bài học vừa qua, em đã được làm quen với nhiều nhân vật văn học thú vị. Đó là các bạn nhỏ với tâm hồn trong sáng, tinh tế, nhân hậu như Mên, Mon (*Bầy chim chia vôi*), An, Cò (*Đi lấy mật*)... và cả những người cha (*Vừa nhắm mắt*

vừa mở cửa sổ), người thầy (Người thầy đầu tiên),...hết lòng yêu thương con trẻ. Những nhân vật ấy chắc hẳn đã mang đến cho em nhiều cảm xúc và ấn tượng.

Từ ấn tượng về các nhân vật ấy hãy viết bài văn phân tích đặc điểm của một nhân vật em yêu thích.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn lớp 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	D	0,5
	2	B	0,5
	3	A	0,5
	4	B	0,5
	5	D	0,5
	6	C	0,5
	7	D	0,5
	8	B	0,5
	9	HS có thể nêu cách hiểu khác nhau theo quan điểm của cá nhân, nhưng cần đảm bảo ý: Qua hình ảnh trăng, nhân vật tin rằng trăng trên đất nước mình là đẹp nhất. Nhân vật trữ tình tự hào về hình ảnh ánh trăng sáng lung linh cùng những cảnh vật tuyệt đẹp, những con người bình dị, gần gũi của đất nước mình.	1,0
II	10	HS nêu được những tình cảm mà mình cảm nhận được từ bài thơ. Yêu cầu - Đảm bảo thể thức yêu cầu. - Đảm bảo nội dung theo yêu cầu	1,0 0,25 0,75
		VIẾT	4,0
		a. Đảm bảo bố cục bài văn nghị luận gồm 3 phần MB, TB, KB.	0.25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề Nghị luận về nhân vật văn học yêu thích.	0.25
		c. Phân tích đặc điểm nhân vật văn học yêu thích Học sinh có thể chọn một nhân vật văn học mình yêu thích nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: * Mở bài: - Giới thiệu tác phẩm văn học và nhân vật phân tích. - Nêu khái quát ấn tượng về nhân vật. * Thân bài:	3.0

	<ul style="list-style-type: none"> - Lần lượt phân tích và làm sáng tỏ các đặc điểm của nhân vật dựa trên các chi tiết trong tác phẩm. + Lai lịch: nhân vật đó xuất hiện như thế nào? + Ngoại hình + Hành động và việc làm của nhân vật. + Ngôn ngữ của nhân vật. + Những cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật. + Mối quan hệ của nhân vật đó với các nhân vật khác. <p>=> Nhận xét, đánh giá về nhân vật (suy nghĩ, cảm xúc,... về các đặc điểm của nhân vật đã phân tích)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét đánh giá về nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn. - Nêu ý nghĩa của hình tượng nhân vật trong việc thể hiện chủ đề tác phẩm. <p>* Kết bài: Nêu ấn tượng và đánh giá về nhân vật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu đánh giá khái quát về nhân vật - Nêu cảm nghĩ, ấn tượng về nhân vật, ý nghĩa của nhân vật với đời sống. Rút ra bài học, liên hệ. 	
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p>	0.25
	<p><i>d e. Sáng tạo</i></p> <p>Có những liên hệ hợp lý; bài viết lôi cuốn, hấp dẫn.</p>	0,25

ĐỀ 9

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn 7

T T	Kĩ năng	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng g % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	
1	Đọc - hiểu	Truyện ngắn	4	0	4	0	0	2	0	0	60
2	Viết	Viết bài văn biểu cảm	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			20	5	20	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ (%)			25		35		30		10		
Tỉ lệ chung			60				40				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn 7

Thời gian làm bài: 90 phút

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhậ n biết	Thô ng hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
	Đọc- hiểu	Truyện ngắn	Nhận biết: - Nhận biết được phương thức biểu đạt, lời kể, chi	4TN	4TN	2TL	

			tiết chính trong văn bản. - Nhận biết được loại từ. Thông hiểu: - Hiểu được ý nghĩa của chi tiết trong văn bản. - Xác định được BPTT, thành phần câu. Vận dụng: - Tóm tắt được văn bản - Rút được bài học cho bản thân				
	Viết	Văn biểu cảm	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài văn biểu cảm về một đoạn thơ: thể hiện tình cảm, cảm xúc, thái độ của bản thân trước những chi tiết tiêu biểu. Từ đó biết rút ra bài học cho bản thân.				1TL*
Tổng				4TN	4TN	2TL	1TL*
Tỉ lệ (%)				25	35	30	10
Tỉ lệ chung				60		40	

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn 7

Thời gian làm bài: 90 phút

I. ĐỌC-HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

CÂU CHUYỆN VỀ HAI HẠT LÚA

Có hai hạt lúa nọ được giữ lại để làm hạt giống cho vụ sau vì cả hai đều là những hạt lúa tốt đều to khỏe và chắc mẩy,...

Một hôm, người chủ định đem chúng gieo trên cánh đồng gần đó. Hạt thứ nhất nhủ thầm:

“Đại gì ta phải theo ông chủ ra đồng. Ta không muốn cả thân hình phải nát tan trong đất. Tốt nhất ta hãy giữ lại tất cả chất dinh dưỡng trong lớp vỏ này và tìm một nơi lý tưởng để trú ngụ”. Thế là nó chọn một góc khuất trong kho lúa để lăn vào đó.

Còn hạt lúa thứ hai thì ngày đêm mong được ông chủ mang gieo xuống đất. Nó thật sự sung sướng khi được bắt đầu một cuộc đời mới.

Thời gian trôi qua, hạt lúa thứ nhất bị héo khô nơi góc nhà bởi vì nó chẳng nhận được nước và ánh sáng. Lúc này chất dinh dưỡng chẳng giúp ích được gì nên nó chết dần chết mòn. Trong khi đó hạt lúa thứ hai dù nát tan trong đất nhưng từ thân nó lại mọc lên cây lúa vàng óng, trĩu hạt. Nó lại mang đến cho đời những hạt lúa mới...

(Theo Hạt giống tâm hồn, NXB Trẻ, 2004)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là phương thức nào?

- A. Tự sự
- B. Miêu tả
- C. Biểu cảm
- D. Nghị luận

Câu 2. Văn bản trên được kể theo lời của ai?

- A. Lời của hạt lúa thứ nhất
- B. Lời của hạt lúa thứ hai
- C. Lời của người kể chuyện
- D. Lời kể của hai cây lúa

Câu 3. Chi tiết chính trong văn bản trên là chi tiết nào?

- A. Người nông dân
- B. Cánh đồng
- C. Hai cây lúa
- D. Chất dinh dưỡng

Câu 4. Vì sao hạt lúa thứ hai lại “ngày đêm mong được ông chủ mang gieo xuống đất”?

- A. Vì nó muốn được ra đồng cùng ông chủ.
- B. Vì nó biết chỉ khi được gieo xuống đất, nó mới được bắt đầu một cuộc sống mới
- C. Vì nó không thích ở mãi trong kho lúa
- D. Vì khi được gieo xuống đất nó sẽ nhận được nước và ánh sáng.

Câu 5. Xác định thành phần trạng ngữ trong câu: *Thời gian trôi qua, hạt lúa thứ nhất bị héo khô nơi góc nhà bởi vì nó chẳng nhận được nước và ánh sáng.*

- A. Thời gian trôi qua
- B. hạt lúa thứ nhất bị héo khô
- C. bởi vì nó chẳng nhận được nước và ánh sáng
- D. bị héo khô nơi góc nhà

Câu 6. Từ ***sung sướng*** trong văn bản trên thuộc loại từ nào?

- A. Từ ghép đẳng lập
- B. Từ ghép chính phụ
- C. Từ láy
- D. Từ láy toàn bộ

Câu 7. Xác định biện pháp tu từ trong câu: *Nó thật sự sung sướng khi được bắt đầu một cuộc đời mới.*

- A. So sánh
- B. Nhân hóa
- C. Ẩn dụ
- D. Hoán dụ

Câu 8. Từ hình ảnh hạt lúa thứ nhất bị héo khô, tác giả muốn phê phán điều gì?

- A. Sự hèn nhác, ích kỉ không dám đương đầu với khó khăn, thử thách, luôn trốn tránh trong sự an toàn vô nghĩa
- B. Sự ích kỉ chỉ nghĩ đến lợi ích cho bản thân mình.
- C. Sự vô cảm không quan tâm đến người khác.
- D.

Câu 9. Em hãy tóm tắt ngắn gọn văn bản trên?

Câu 10. Em rút ra được bài học gì sau khi đọc xong văn bản trên?

II. LÀM VĂN (4,0 điểm)

Viết bài văn ghi lại cảm xúc của em sau khi đọc đoạn thơ sau:

*Hạt gạo làng ta
Có công các bạn
Sớm nào chống hạn
Vực mả miệng gàu
Trưa nào bắt sâu
Lúa cao rất mặt
Chiều nào gánh phân
Quang trành quét đất*

Trần Đăng Khoa, *Góc sân và khoảng trời*, NXB Văn hoá dân tộc, 1999

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

MÔN: NGỮ VĂN 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I	ĐỌC-HIỂU		
	1	A	0,5
	2	C	0,5
	3	C	0,5
	4	B	0,5
	5	A	0,5
	6	D	0,5
	7	B	0,5

	8	A	0,5
	9	- Học sinh tóm tắt được nội dung chính của văn bản	1,0
	10	<p>- Đừng bao giờ tự khép mình trong lớp vỏ chắc chắn để cố giữ sự nguyên vẹn vô nghĩa của bản thân</p> <p>- Muốn sống một cuộc đời ý nghĩa, chúng ta phải mạnh mẽ dần thân. Nếu cứ thu mình trong cái vỏ bọc an toàn, chúng ta rồi sẽ chỉ là những con người nhạt nhòa rồi tàn lụi dần. Muốn thành công, con người không có cách nào khác ngoài việc đương đầu với gian nan, thử thách.</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p>
II	LÀM VĂN		
		a. Đảm bảo cấu trúc của bài văn biểu cảm	
		b. Xác định đúng yêu cầu đề bài: Viết bài văn ghi lại cảm xúc của bản thân sau khi học xong đoạn thơ	
		<p>c. Nêu được cảm xúc của bản thân sau khi đọc xong đoạn thơ.</p> <p>HS có thể trình bày theo nhiều cách nhưng đảm bảo các ý sau:</p> <p>- Giới thiệu được đoạn thơ.</p> <p>- Nêu được cảm xúc của bản thân:</p> <p>+ Nội dung:</p> <p>Cảm nghĩ về sự góp công của các bạn thiếu nhi: tát nước, bắt sâu, gánh phân,... Hành động của các bạn tuy nhỏ cho nhưng mang ý nghĩa lớn thể hiện sự góp sức mình cho quê hương.</p> <p>Đoạn thơ không chỉ thể hiện sâu sắc tình yêu quê hương của các bạn thiếu nhi mà còn thể hiện tình yêu quê hương của tác giả.</p> <p>+ Nghệ thuật: Thể thơ 4 chữ tự do ngắn gọn, gần gũi.</p> <p>- Bài học cho bản thân.</p>	
		<p>d. Chính tả, ngữ pháp:</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>	

		e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn giàu cảm xúc, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ.	
--	--	---	--

ĐỀ 10:**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I****Môn Ngữ văn lớp 7**

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

THỎ VÀ RÙA

Ngày xưa, thỏ lúc nào cũng cười mũi con rùa về sự chậm chạp.

Nhưng rùa thì dẫn lòng trước sự khoe khoang của thỏ.

Một hôm, trước đông đủ bá thú, rùa thách thỏ chạy thi. Thỏ trả lời:

– Đừng có đùa dai! Bạn không biết là tôi có thể chạy cả chục vòng quanh bạn hay sao.

Rùa mỉm cười:

– Không cần nhiều lời. Muốn biết ai nhanh thì cứ việc thi.

Thế là trường đua được vạch ra. Con cáo làm trọng tài. Nó hú ba tiếng là cuộc thi bắt đầu.

Thoắt một cái, con thỏ đã biến mất. Con rùa cứ chậm chạp bước theo. Các thú khác ở dọc đường cổ võ.

Một lúc sau, thỏ đứng lại đợi rùa, nhân tiện điều chơi cho đỡ ghét.

Đợi một lúc mà rùa vẫn chưa tới. Thỏ vừa thêm thiếp vừa lẩm bẩm:

– Ta cứ chợp mắt một tí trên bãi cỏ này. Khi trời mát xuống ta sẽ

chạy tiếp cũng chẳng muộn gì!

Thế rồi nó dặng chân, duỗi tay, nhắm mắt ngủ ngon lành. Một lúc sau, con rùa ì ạch bò tới.

Nó bỏ qua chỗ con thỏ đang ngủ say, rồi đến được mức cuối. Tiếng reo hò náo nhiệt.

Lúc đó, con thỏ vừa mở mắt. Biết mình thua cuộc, thỏ xấu hổ trốn vào rừng.

(<https://sites.google.com/site/158truyenngungonaesop/131---150>)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Truyện “*Thỏ và rùa*” thuộc thể loại nào?(1)

A. Truyện cổ tích. B. Truyện đồng thoại. C. Truyện thuyết. D. Ngụ ngôn.

Câu 2. Câu chuyện trong tác phẩm được kể bằng lời của ai?(2)

A. Lời của nhân vật Thỏ. B. Lời của người kể chuyện.
C. Lời của nhân vật Rùa. C. Lời của nhân vật cáo.

Câu 3. Truyện “*Thỏ và rùa*” kể theo ngôi thứ mấy?(3)

A. Ngôi kể thứ nhất.
B. Ngôi kể thứ hai.
C. Ngôi kể thứ ba.
D. Ngôi kể thứ tư.

Câu 4. Nhận xét nào sau đây đúng với truyện *Thỏ và Rùa*?(4)

A. Giải thích nguyên nhân của sự chủ quan, kiêu ngạo.
B. Ca ngợi tình cảm cộng đồng bền chặt, sự chăm chỉ, nỗ lực.
C. Bài học về cách nhìn sự việc, cách ứng xử của con người.
D. Giải thích nguyên nhân sự chăm chỉ và tự tin của rùa.

Câu 5. Truyện xoay quanh sự việc nào? (5)

A. Thỏ và rùa thách nhau chạy thi.

- B. Thỏ khinh thường rùa chậm chạp.
- C. Rùa cần mẫn chăm chỉ nỗ lực thi chạy.
- D. Cuộc thi chạy giữa thỏ và rùa.

Câu 6. Hành động của thỏ trong tác phẩm thể hiện tính cách gì?(6)

- A. Kiêu ngạo, chủ quan.
- B. Khinh thường, nhanh nhẹn.
- C. Chủ quan, chậm chạp.
- D. Tự tin, nhanh nhẹn.

Câu 7. Xác định nghĩa của phó từ “đã, đang, vẫn, cứ” trong văn bản?(7)

- A. Chỉ thời gian, sự tiếp diễn.
- B. Chỉ không gian, sự tiếp diễn.
- C. Chỉ thời gian, sự phủ định.
- D. Chỉ thời gian, kết quả.

Câu 8. “Ngày xưa, một hôm, một lúc sau, lúc đó” có ý nghĩa gì?(8)

- A. Trạng ngữ chỉ thời gian, cách thức trong truyện.
- B. Trạng ngữ chỉ thời gian, không gian trong truyện.
- C. Trạng ngữ chỉ nơi chốn, cách thức trong truyện.
- D. Trạng ngữ chỉ thời gian, nguyên nhân trong truyện.

Câu 9. Thông điệp cuộc sống mà văn bản gợi cho em là gì?(9)

Câu 10. Có bạn cho rằng: bài học vẫn không có gì thay đổi, nếu thay hai nhân vật thỏ và rùa trong truyện bằng hai nhân vật đều là thỏ hoặc hai nhân vật đều là rùa chạy thi với nhau; và vì một lí do nào đó, con vật tưởng là yếu hơn, chậm hơn đã giành chiến thắng. Em có đồng ý như vậy không? Vì sao?(10)

II. VIẾT (4.0 điểm)

Em hãy viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em có dịp tìm hiểu (bài viết có sử dụng các yếu tố miêu tả).

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn lớp 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	D	0,5
	2	B	0,5
	3	C	0,5
	4	C	0,5
	5	D	0,5
	6	A	0,5
	7	A	0,5
	8	B	0,5
	9	- HS nêu được thông điệp cuộc sống mà văn bản gợi ra. - Lí giải được lí do nêu thông điệp ấy.	1,0
	10	Đồng ý vì chăm chỉ, tự tin sẽ giúp đến đích sớm hơn; kiêu ngạo, chủ quan sẽ thất bại, hơn thua ở việc làm, hành động thực tế, không ở lời nói suông; ... Có thể là đồng tình một phần nhưng phải có lí giải hợp lí	1,0
II		VIẾT	4,0
		<i>a. a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự:</i> Mở bài nêu được sự việc có thật liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử. Thân bài triển khai sự việc. Kết bài khẳng định ý nghĩa sự việc.	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề:</i> sự kiện được kể lại trong văn bản là có thật và liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử.	0,25
		<i>c. Triển khai vấn đề:</i> HS triển khai vấn đề theo nhiều cách, nhưng cần lựa chọn chi tiết, thông tin chọn lọc, tin cậy về sự việc. Đồng thời, vận dụng tốt kĩ năng kể chuyện có kết hợp yếu tố miêu tả trong	

		bài viết; sau đây là một số gợi ý:	
		<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu được sự việc có thật liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử. - Nêu được không gian, thời gian diễn ra sự việc. - Gợi lại bối cảnh câu chuyện, dấu tích liên quan đến nhân vật/sự kiện - Thuật lại nội dung/diễn biến của sự việc có thật liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử. - Ý nghĩa, tác động của sự việc đối với đời sống hoặc đối với nhận thức về nhân vật và sự kiện. - Khẳng định ý nghĩa của sự việc hoặc nêu cảm nhận của người viết về nhân vật/sự kiện. 	2.5
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,5
		<i>e. Sáng tạo:</i> Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo. Có những suy nghĩ, cảm nhận mới mẻ, sáng tạo.	0,5

ĐỀ 11

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN NGỮ VĂN , LỚP 7

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng g % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	
1	Đọc hiểu	Văn bản biểu cảm	3	0	5	0	0	2	0		60

2	Viết	Viết bài văn biểu cảm về một thầy, cô giáo mà em yêu quý.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			15	5	25	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			20		40%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I

MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7

Thời gian làm bài: 90 phút

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đor n vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	Đọc hiểu	Văn bản thơ	Nhận biết: - Xác định được thể thơ, phương thức biểu đạt. - Nhận biết được các từ láy trong đoạn thơ. Thông hiểu:					10

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đor n vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được tâm trạng của nhân vật trong đoạn thơ . - Hiểu đúng nghĩa của từ một cách đầy đủ, chính xác. - Hiểu và thêm trạng ngữ vào câu cho phù hợp. - Trình bày được nội dung chính của văn bản thơ đã cho. - Hiểu được ý nghĩa của từ “ người cha” trong câu thơ. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảm nhận của bản thân về hình ảnh của Bác gắn với nội dung đoạn thơ từ đó có những hành động thể hiện lòng kính yêu đối với Bác. 	3TN	5TN	2TL	0	
2	VIẾT	2. Viết bài văn biểu cảm về một thầy, cô giáo mà em yêu quý.	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn bản, về đối tượng được biểu cảm. - Xác định được cách thức trình bày bài văn. 				1TL*	1TL*

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đor n vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			Thông hiểu: - Viết đúng về nội dung, về hình thức (từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản) Vận dụng: - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu. - Viết được bài văn biểu cảm về một thầy, cô giáo mà em yêu quý. Vận dụng cao: Biết bày tỏ thái độ trân trọng, biết ơn công lao của thầy, cô.					
Tổng								11
Tỉ lệ %				20	40	30	10	100
Tỉ lệ chung				60		40		100

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I

Môn: Ngữ văn lớp 7

Thời gian làm bài: 90 phút (Không kể thời gian giao đề)

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc đoạn thơ sau .

“...Anh đội viên thức dậy
Thấy trời khuya lắm rồi
Mà sao Bác vẫn ngồi
Đêm nay Bác không ngủ.

Lặng yên bên bếp lửa
Vẽ mặt Bác trầm ngâm
Ngoài trời mưa lâm thâm
Mái lều tranh xơ xác.

Anh đội viên nhìn Bác
Càng nhìn lại càng thương
Người Cha mái tóc bạc
Đốt lửa cho anh nằm.”[...]

(Trích bài thơ “**Đêm nay Bác không ngủ**” – Minh

Huệ)

Trả lời từ câu 1 đến câu 8 bằng cách khoanh tròn vào đáp án đúng nhất
Câu 1. Văn bản trên được viết theo thể thơ nào ?

- A. Thể thơ tự do
- B. Thể thơ năm chữ**
- C. Thể thơ sáu chữ
- D. Thể thơ bảy chữ

Câu 2. Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn thơ trên?

- A. Biểu cảm**
- B. Nghị luận
- C. Miêu tả
- D. Tự sự

Câu 3. Trong khổ thơ sau có mấy từ láy :

“Lặng yên bên bếp lửa
Vẽ mặt Bác trầm ngâm
Ngoài trời mưa lâm thâm
Mái lều tranh xơ xác”.

- A. 1
- B. 2
- C. 3**
- D. 4

Câu 4. Tâm trạng của anh đội viên biểu hiện như thế nào trong đoạn thơ trên?

- A. Ngạc nhiên, lo lắng
- B. Ngạc nhiên, ái ngại
- C. Ngạc nhiên, thương cảm.**
- D. Hốt hoảng, bồi hồi.

Câu 5. Nghĩa của từ “ trầm ngâm ” được hiểu như thế nào?

- A. Có dáng vẻ đang suy nghĩ, nghiền ngẫm điều gì
 B. Ngồi lặng yên, suy nghĩ.
 C. Ngồi lặng lẽ, không cử động.
 D. Ngồi im, buồn rầu.

Câu 6. Thêm trạng ngữ phù hợp cho câu sau : *Anh đội viên thức dậy.*

- A. Rất sớm
B. Nửa đêm
 C. Rất khuya
 D. Đang đêm

Câu 7. Nội dung chính của đoạn thơ trên là gì ?

- A. Tâm trạng của anh đội viên trong lần đầu thức giấc.
 B. Tình cảm của Bác dành cho đất nước, dân tộc.
C. Hình ảnh của Bác và tâm trạng của anh đội viên trong lần đầu thức giấc.
 D. Tình cảm của anh đội viên dành cho Bác.

Câu 8. Hình ảnh “ Người Cha” trong câu thơ “ Người Cha mái tóc bạc” được hiểu như thế nào ?

- A. Là Bác Hồ, Bác được ví như người cha yêu thương chăm sóc che chở cho các anh đội viên.**
 B. Là người trực tiếp cung cấp tinh trùng trong quá trình thụ tinh nhằm tạo ra một cơ thể mới qua quá trình mang thai và sinh nở của người mẹ.
 C. Là người đàn ông có con, trong quan hệ với con.
 D. Là người đàn ông đã lớn tuổi.

Trả lời câu hỏi:

Câu 9. Em có suy nghĩ gì về hình ảnh của Bác trong đoạn thơ trên?

Câu 10. Qua đoạn thơ trên, em sẽ làm gì để thể hiện lòng kính yêu đối với Bác?

PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN (4.0 điểm)

Viết bài văn biểu cảm về một thầy, cô giáo mà em yêu quý.

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I

Môn: Ngữ văn lớp 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6.0
	1	B	0.5
	2	A	0.5
	3	C	0.5
	4	C	0.5
	5	A	0.5
	6	B	0.5
	7	C	0.5

	8	A	0,5
	9	<p>HS đưa ra được ý kiến cá nhân về hình ảnh của Bác qua nội dung của đoạn thơ, có thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bác là một người luôn quan tâm, lo lắng cho dân, cho nước. - Tấm lòng yêu thương rộng lớn của Bác Hồ với đồng bào, chiến sĩ và thể hiện tình cảm kính yêu, khâm phục của bộ đội, nhân dân đối với Bác Hồ. 	1.0
	10	<p>HS nêu những việc làm cụ thể của bản thân để thể hiện lòng kính yêu đối với Bác: <i>(Nêu tối thiểu 2 việc làm)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Cố gắng học tập, tu dưỡng đạo đức để trở thành người có ích. - Thực hiện theo 5 điều Bác Hồ dạy - Sống đoàn kết, yêu thương, chia sẻ, giúp đỡ những người gặp khó khăn, hoạn nạn... - Yêu quê hương, đất nước, dân tộc... <p>Lưu ý: Học sinh nêu được 3-4 việc làm cho 1.0 điểm, được 1-2 việc làm cho 0.5 điểm</p>	1.0
II	VIẾT		4.0
		a. Đảm bảo bố cục bài văn biểu cảm gồm 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài.	0.25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Viết bài văn nêu cảm nghĩ về một thầy, cô giáo mà em yêu quý	0.25
		c. Cảm xúc của bản thân về thầy, cô giáo. Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau Nhưng đảm bảo các yêu cầu sau: <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về người thầy, cô giáo mà em yêu quý. - Miêu tả thầy, cô giáo về ngoại hình, tính cách... - Kể chuyện và nêu cảm xúc của bản thân về thầy, cô giáo . - Kết hợp kể, miêu tả và biểu cảm. 	2.5
		d. Chính tả ngữ pháp đảm bảo chuẩn chính tả ngữ pháp tiếng Việt.	0.5
		e. Sáng tạo lời văn kết hợp kể, tả, biểu cảm, sinh động; bài viết lôi cuốn hấp dẫn.	0.5

ĐỀ 12:

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng g % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	T L	TNK Q	TL	TNK Q	T L	TNK Q	T L	

1	Đọc hiểu	Thơ (thơ bốn chữ, năm chữ)	4	0	2	0	0	2	0		50
2	Viết	Kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	50
Tổng			20	10	10	15	0	30	0	1,5	100
Tỉ lệ %			30%		25%		30%		15%		
Tỉ lệ chung			55%				45%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	- Thơ (thơ bốn chữ, năm chữ)	Nhận biết: - Nhận biết được từ ngữ, vần, thể thơ, nhịp thơ các và các biện pháp tu từ trong bài thơ. - Nhận biết được bố cục, những hình ảnh tiêu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử	4TN	2TN	2TL	

			<p>dụng trong bài thơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được số từ, phó từ. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được bài ỨNG XỬ cho bản thân. - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. 				
2	Viết	Kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử	<p>Nhận biết:</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>Vận dụng:</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử; bài viết có sử dụng các yếu tố</p>				1TL*

		miêu tả.				
Tổng			4TN	2TN	1TL	1 TL
Tỉ lệ %			20	10	10	60
Tỉ lệ chung			30		70	

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: NGŨ VĂN, LỚP 7

Thời gian làm bài: 90 phút

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm) Đọc văn bản sau:

*Mưa rơi tí tách
Hạt trước hạt sau
Không xô đẩy nhau
Xếp hàng lần lượt*

*Mưa vẽ trên sân
Mưa dàn trên lá
Mưa rơi trắng xóa
Bong bóng phập phồng*

*Mưa nâng cánh hoa
Mưa gọi chồi biếc
Mưa rửa sạch bụi
Như em lau nhà.*

*Mưa rơi, mưa rơi
Mưa là bạn tôi
Mưa là nốt nhạc
Tôi hát thành lời...*

(Trích *Mưa*, Nguyễn Diệu, Thư viện thơ, 2019)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Bài thơ “Mưa” thuộc thể thơ gì? (Biết)

- A. Bốn chữ
- B. Năm chữ

C. Lục bát

D. Tự do

Câu 2. Em hãy cho biết khổ thơ thứ hai được ngắt nhịp như thế nào? (Biết)

A. Nhịp 1/1/2

B. Nhịp 2/1/1

C. Nhịp 2/2

D. Nhịp 1/2/1

Câu 3. Đối tượng nào được nhắc đến nhiều nhất trong bài thơ? (Biết)

A. Cánh hoa

B. Hạt mưa

C. Chồi biếc

D. Chiếc lá

Câu 4. Theo em biện pháp tu từ nào được sử dụng trong khổ thơ thứ nhất? (Biết)

A. Ẩn dụ

B. Hoán dụ

C. So sánh

D. Nhân hóa

Câu 5. Xác định chủ đề của bài thơ “Mưa”? (Hiểu)

A. Tình yêu thiên nhiên

B. Tình yêu đất nước

C. Tình yêu quê hương

D. Tình yêu gia đình

Câu 6. Theo em đáp án nào đúng nhất về tình cảm của tác giả đối với mưa? (Hiểu)

A. Yêu quý, trân trọng

B. Hờ hững, lạnh lùng

C. Nhớ mong, chờ đợi

D. Bình thản, yêu mến

Câu 7. Em hãy nêu 2 lợi ích của mưa đối với đời sống con người và các sinh vật trên Trái đất.

Câu 8. Từ những lợi ích của mưa, em hãy nêu ít nhất 2 biện pháp để bảo vệ môi trường trong sạch. (Vận dụng)

II. Viết (6,0 điểm)

Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em có dịp tìm hiểu. (Vận dụng cao)

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn lớp 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	5,0
	1	A	0,5
	2	C	0,5
	3	B	0,5
	4	D	0,5
	5	A	0,5
	6	A	0,5
	7	<p>HS trả lời hợp lý 2lợi ích của mưa đối với đời sống con người và các sinh vật trên Trái đất.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lợi ích của mưa: cung cấp nước để phục vụ đời sống của con người và động thực vật; làm cho không khí sạch và trong lành hơn 	1,0
	8	Biện pháp bảo vệ môi trường: không xả rác bừa bãi, trồng cây, không xả xác động vật xuống ao hồ	1,0
II		VIẾT	5,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn:</i> Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề.	0,5
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề:</i> HS chọn được sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.	0,5
		<i>c. Triển khai vấn đề thành các luận điểm</i> HS triển khai vấn đề theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; sau đây là một số gợi ý:	
		<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được sự việc có thật liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử mà văn bản sẽ thuật lại. - Nêu lí do hay hoàn cảnh, người viết thu thập tư liệu liên quan. - Gợi lại bối cảnh, câu chuyện, dấu tích liên quan đến nhân vật/sự kiện. - Thuật lại nội dung/ diễn biến của sự việc có thật liên quan đến nhân vật/ sự kiện lịch sử. 	3.0

	<ul style="list-style-type: none"> - Ý nghĩa, tác động của sự việc đối với đời sống hoặc đối với nhận thức về nhân vật/sự kiện lịch sử. - Khẳng định ý nghĩa của sự việc hoặc nêu cảm nhận của người viết về sự việc. 	
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,5
	<i>e. Sáng tạo:</i> Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, sáng tạo.	0,5